

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 (2024-2025)

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G.Viên chấm thi 1 G.Viên chấm thi 2

Môn học: Công nghệ bơm nhiệt và ứng dụng
(22820902)

Ngày thi: 21/02/2025

Giờ thi: 7g30

Phòng thi: D2-09

Số SV có mặt:.....

Số bài thi:

Số tờ giấy thi:.....

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Chữ ký SV	Đ.QT (40%)	Đ.Thi (60%)	Điểm HP	Ghi chú
1	2122180057	Võ Trương Đông	01/01/2004	CCQ2218B			8.3	6,4	7,1	
2	2122180052	Trần Văn Giang	08/03/2004	CCQ2218B			8.0	6,4	7,0	
3	2122180016	Huỳnh Bảo Hưng	17/09/2004	CCQ2218A			7.8	7,4	7,5	
4	2122180065	Nguyễn Nhất Huy	26/11/2003	CCQ2218B			7.5	5,0	6,0	
5	2122180041	Nguyễn Hoàng Khôi	08/03/2004	CCQ2218B			7.0	6,6	6,8	
6	2122180062	Nguyễn Hữu Kiên	09/11/2003	CCQ2218B			8.0	6,8	7,3	
7	2122180042	Nguyễn Huỳnh Tuấn Kiệt	23/03/2004	CCQ2218B			7.8	8,4	8,1	
8	2122180060	Trần Quốc Kiệt	07/12/2004	CCQ2218B			7.8	5,4	6,3	
9	2122180054	Trần Văn Nam	03/08/2004	CCQ2218B			7.8	6,6	7,1	
10	2122180037	Phạm Văn Nhơn	05/11/2004	CCQ2218B			7.5	7,4	7,4	
11	2122180003	Nguyễn Minh Nhựt	28/10/2004	CCQ2218A			7.8	6,2	6,8	
12	2122180028	Nguyễn Dương Tấn Phát	05/02/2004	CCQ2218A			7.3	7,4	7,3	
13	2122180044	Huỳnh Nhật Quang	10/08/2004	CCQ2218B			8.3			
14	2122180009	Phạm Tấn Sinh	15/07/2004	CCQ2218A			7.8	6,6	7,1	
15	2122180064	Bùi Ngọc Thiện	04/10/2004	CCQ2218B			7.8	5,4	6,3	
16	2122180046	Nguyễn Văn Thiệt	13/11/2004	CCQ2218B			7.5	6,2	6,7	
17	2122180039	Trần Văn Tiến	05/11/2004	CCQ2218B			8.3	6	6,9	
18	2122180049	Lê Văn Tính	29/12/2004	CCQ2218B			7.5	6,8	7,1	
19	2122180030	Huỳnh Minh Toàn	20/10/2004	CCQ2218A			8.0	8,2	8,1	
20	2122180055	Nguyễn Tấn Trung	16/07/2004	CCQ2218B			8.3	6,2	7,0	
21	2122180010	Hà Hữu Truyền	13/05/2002	CCQ2218A			7.3	6,2	6,6	
22	2122180022	Nguyễn Hoàng Tú	26/02/2004	CCQ2218A			8.0	6,8	7,3	
23	2122180018	Nguyễn Nghi Văn	06/04/2004	CCQ2218A			8.0	7	7,4	
24	2122180033	Nguyễn Thành Vạn	19/02/2004	CCQ2218A			7.5	7,8	7,7	
25	2122180058	Lê Hùng Vương	12/08/2004	CCQ2218B			7.8	7	7,3	